VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 22.05.2023 10:10:21 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03 /2023/NQ-HĐND	*Bình Thuận, ngày 09 tháng 5 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức hỗ trợ học phí năm học 2022 - 2023 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: 5
Ngày: 22/5/2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 14 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục;

Xét Tờ trình số 1146/TTr-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh năm học 2022 - 2023; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ học phí năm học 2022 - 2023 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức hỗ trợ học phí

1. Mức hỗ trợ học phí bằng phần chênh lệch học phí của năm học 2022 - 2023 so với năm học 2021 - 2022 quy định tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023, cụ thể:

a) Đối với trẻ em mầm non, học sinh thuộc đối tượng đóng đủ 100% học phí:

Cấp học	**Mức hỗ trợ** *(Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng)*		
	Thành thị	**Nông thôn**	**Vùng dân tộc thiểu số, miền núi và hải đảo**
1. Mầm non			
Nhà trẻ	240.000	62.000	30.000
Mẫu giáo 01 buổi	240.000	70.000	35.000
Mẫu giáo bán trú, 02 buổi	240.000	92.000	45.000
2. Trung học cơ sở	240.000	70.000	40.000
3. Trung học phổ thông	225.000	155.000	75.000

b) Đối với trẻ em mầm non, học sinh thuộc đối tượng được giảm 50% học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo:

Cấp học	Mức hỗ trợ *(Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng)*		
	Thành thị	**Nông thôn**	**Vùng dân tộc thiểu số, miền núi và hải đảo**
1. Mầm non			
Nhà trẻ	120.000	31.000	15.000
Mẫu giáo 01 buổi	120.000	35.000	17.500
Mẫu giáo bán trú, 02 buổi	120.000	46.000	22.500
2. Trung học cơ sở	120.000	35.000	20.000
3. Trung học phổ thông	112.500	77.500	37.500

c) Đối với trẻ em mầm non, học sinh thuộc đối tượng được giảm 70% học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP:

Cấp học	Mức hỗ trợ *(Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng)*		
	Thành thị	**Nông thôn**	**Vùng dân tộc thiểu số, miền núi và hải đảo**
1. Mầm non			
Nhà trẻ	72.000	18.600	9.000
Mẫu giáo 01 buổi	72.000	21.000	10.500
Mẫu giáo bán trú, 02 buổi	72.000	27.600	13.500
2. Trung học cơ sở	72.000	21.000	12.000
3. Trung học phổ thông	67.500	46.500	22.500

2. Không thực hiện hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh thuộc đối tượng được miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Ngân sách địa phương bảo đảm nguồn kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; trong đó:

1. Đối với các trường trung học phổ thông công lập: Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí hỗ trợ theo khả năng cân đối ngân sách.

2. Đối với các trường mầm non công lập, trường trung học cơ sở công lập và cơ sở giáo dục thường xuyên công lập: Các huyện, thị xã, thành phố tự bảo đảm cân đối từ nguồn ngân sách huyện, thị xã, thành phố và các nguồn hợp pháp khác theo khả năng cân đối ngân sách. Trường hợp ngân sách cấp huyện không đảm bảo được thì ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 14 (chuyên đề) thông qua ngày 09 tháng 5 năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (CTHĐ.08b), Duyên.

70

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh